

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT

Ngày 18 - 01 - 2022

V/v: Tranh chấp nuôi con,
chia tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Văn Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp nuôi con, chia tài sản do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 10/8/2021 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mùa Thị G, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tiểu khu 14, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt

2. Bị đơn: Anh Hạng A V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản T, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Đặng Văn Quảng – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Bá D, địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Hạng A C (Treo), (đã chết) địa chỉ: bản T, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của gia đình ông C ủy quyền cho Ông Hạng A C1, địa chỉ: bản T, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Hạng A V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hạng A C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mùa Thị G trình bày:

Chị Mùa Thị G và anh Hạng A V về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó, nay đề nghị tòa án xem xét giải quyết tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung.

Về con chung: có 01 cháu tên Hạng Bình Minh sinh ngày 07/12/2011, chị G nhận nuôi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 ngôi nhà xây cấp 04 hai gian và bếp diện tích khoảng 30m² lập proximãng giá 80.000.000đ, diện tích đất ở 145m² và 149,5m² đất vườn tại Tiểu khu 3 Trại trấn B huyện B, tỉnh Sơn la trị giá 150.000.000đ, 01 bình nóng lạnh trị giá 1.500.000đ và 01 máy giặt trị giá 1.500.000đ, tổng cộng 233.000.000đ. Các tài sản khác hai bên đã tự thỏa thuận chia nhau.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B 50.000.000đ, nợ anh Nguyễn Bá D 15.000.000đ, nợ ông Hạng A C 5.400.000đ, đề nghị anh V có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn anh Hạng A V trình bày: Anh V và chị G về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2010, tổ chức theo phong tục tập quán dân tộc nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 chị G ngoại tình dẫn đến hai bên ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: có 01 cháu tên Hạng Bình Minh sinh ngày 07/12/2011, anh V nhận nuôi, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 ngôi nhà xây cấp 4 hai gian và 01 gian bếp diện tích khoảng 30m² lập proximãng trị giá 30.000.000đ, diện tích đất ở 145m² và 149,5m² đất vườn có sổ đỏ mang tên Lò Văn Chánh, 01 bình nóng lạnh ARISTON trị giá 1.200.000đ và 01 máy giặt SANYO trị giá 1.500.000đ. Anh V nhận sở hữu toàn bộ và yêu cầu chị G trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Chánh.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B 50.000.000đ, nợ anh Nguyễn Bá D 15.000.000đ, nợ ông Hạng A Treo 02 lần (5.400.000đ và 35.000.000đ). Tổng cộng 105.400.000đ. Anh V nhận trả cho ông C số tiền 40.400.000đ, số còn lại 65.000.000đ chị G có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội và anh Nguyễn Bá D.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 1 Điều 33, Điều 34, Điều 38, khoản 2 Điều 53, Điều 59, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Căn cứ khoản 2, 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 9 Điều 26; các điểm a, b, e khoản 5 Điều 27 Nghị số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Mùa Thị G và anh Hạng A V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Mùa Thị G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hạng Bình Minh sinh ngày 07/12/2011 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị G không yêu cầu anh Hạng A V cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung:

- Giao cho chị Mùa Thị G được sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4 hai gian + 01 gian bếp lợp Pro xi măng diện tích 30m² nằm trên diện tích đất ở 145m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC259998 và diện tích đất vườn 149m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 359990 cấp ngày 30/5/2005 đều mang tên Lò Văn Chánh, sinh năm 1966, CMTND số 050239354 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 11/10/1983; 01 máy giặt hiệu SANYO và 01 bình nóng lạnh hiệu ARISTON. Tổng cộng trị giá 202.400.000đ.

- Chị Mùa Thị G phải có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị tài sản được hưởng cho anh Hạng A V số tiền là 101.200.000đ (một trăm linh một triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Nợ chung:

- Buộc chị Mùa Thị G phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Sơn La số tiền là 18.700.000đ (mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng) và lãi suất phát sinh khi đến hạn trả nợ; trả anh Nguyễn Bá D số tiền 18.000.000đ (đã trả xong).

- Buộc anh Hạng A V phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Sơn La số tiền 31.300.000đ (ba mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) và lãi suất phát sinh khi đến hạn trả nợ, trả ông Hạng A Treo số tiền 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Bác yêu cầu trả nợ của ông Hạng A C (Treo) đối với số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2021 anh Hạng A V có đơn kháng cáo không nhất trí với việc giải quyết con chung, chia tài sản chung và nợ chung, đề nghị được nuôi con chung và giao tài toàn bộ sản chung, anh V chỉ đồng ý chia cho chị G ½ giá trị khung nhà, đề nghị chị G có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, anh Nguyễn Bá D và ông Hạng A C số tiền 5.400.000đ.

Ngày 20/8/2021, ông Hạng A C có đơn kháng cáo không nhất trí với việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc Hạng A V và chị Mùa Thị G phải có trách nhiệm trả cho ông 35.000.000đ, buộc chị Mùa Thị G phải trả cho ông số tiền 5.400.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Hạng A V giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cho anh được nuôi con chung và giao toàn bộ tài sản chung cho anh, anh V đồng ý chia cho chị G ½ giá trị khung nhà, đề nghị chị G có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, anh Nguyễn Bá D và ông Hạng A C số tiền 5.400.000đ.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Về con chung đề nghị cho Hạng A V được trực tiếp nuôi con Hạng Bình Minh và yêu cầu chị Mùa Thị G phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật;

Về nợ chung chị G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và anh Nguyễn Bá D 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số: 02/2021/HNGĐ-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La. Chuyển lại hồ sơ Tòa án nhân dân huyện B giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

Ông Hạng A C giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Hạng A V và chị Mùa Thị G phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 35.000.000đ, chị Mùa Thị G có trách nhiệm trả ông số tiền 5.400.000đ.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc giao con chung, chia tài sản chung. Về nợ chung chị G nhất trí sẽ trả cho ông C số tiền 5.400.000đ, không nhất trí số tiền 35.000.000đ vay của ông C là nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hạng A V và ông Hạng A C, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hạng A C có yêu cầu anh Hạng A V và chị Mùa Thị G trả lại ông số tiền 35.000.000đ và yêu cầu chị Mùa Thị G phải trả cho ông số tiền 5.400.000đ. Đây là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 73, Điều 201, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên những vi phạm về tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, quyền và lợi ích của đương sự không bị xâm phạm, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Hạng A V về việc nuôi con chung:

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Do cháu Hạng Bình Minh đã đủ 07 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến, nguyện vọng của cháu Hạng Bình Minh. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 01/7/2021, cháu Hạng Bình Minh có nguyện vọng muốn ở với bố, tuy nhiên tại biên bản ghi ý kiến ngày 14/10/2021, cháu có nguyện vọng ở với bố và mẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V, chị G không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi ích tốt nhất về mọi mặt của con chung để xem xét.

Căn cứ vào lời khai và các tài liệu mà anh V, chị G cung cấp thì anh V, chị G đều có điều kiện kinh tế để nuôi con chung. Hiện nay anh V đã đưa cháu Hạng Bình Minh từ thị trấn B về sinh sống và học tập tại xã L, huyện B là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Mặt khác, cháu Hạng Bình Minh vẫn còn nhỏ, cần được sự quan tâm chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Hạng Bình Minh cho chị Mùa Thị G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi trưởng

thành, chấp nhận việc chị G không yêu cầu anh Hạng A V phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Hạng A V về việc chia tài sản chung.

Ngày 09/02/2020 anh V, chị G có làm giấy “cam kết ly hôn” theo đó hai bên đã thỏa thuận chia một số tài sản cá nhân, còn nhà và đất không chia mà giao cho anh V quản lý. Chị G không đồng ý đó là thỏa thuận phân chia tài sản, vì hai bên chỉ thỏa thuận giao nhà và đất cho anh V quản lý, không phải giao cho anh V được sở hữu, chị G yêu cầu chia các tài sản còn lại.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh V, chị G xác định tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà xây cấp 4, hai gian + 01 gian bếp lợp proximăng diện tích 30m² trị giá 50.000.000đ.

- Diện tích 145m² đất ở và 149,5m² đất vườn trị giá 150.000.000đ. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Chánh.

- 01 bình nóng lạnh hiệu ARISTON trị giá 1.200.000đ.

- 01 máy giặt hiệu SANYO trị giá 1.200.000đ.

Tổng cộng 202.400.000đ (hai trăm linh hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh V và chị G chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Tuy nhiên trong thời gian chung sống hai bên đã tạo dựng được khối tài sản chung vì vậy cần áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình, Điều 219 Bộ luật dân sự để chia tài sản thuộc sở hữu chung của hai bên.

Anh V xin được sở hữu toàn bộ khối tài sản chung và chỉ đồng ý chia cho chị G ½ giá trị ngôi nhà là 25.000.000đ. Tại phiên tòa chị G xin được sở hữu toàn bộ khối tài sản chung và cam kết trả chênh lệch tài sản cho anh V là 101.200.000đ trong thời gian 01 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nguyện vọng của các bên về nhu cầu chỗ ở, khả năng thanh toán tiền chênh lệch tài sản để giao toàn bộ tài sản cho chị G sở hữu và buộc chị G phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho anh V là hợp lý, đảm bảo được quyền lợi của các bên.

[2.3] Xét kháng cáo của anh Hạng A V về nợ chung:

Anh V và chị G đều thừa nhận có khoản vay 50.000.000đ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện B và 15.000.000đ vay của anh Nguyễn Bá D. Tuy nhiên anh V không đồng ý 02 khoản vay này là nợ chung vì khi chị G vay tiền anh V không biết và không được ký vào giấy vay, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giám định chữ ký của anh trong giấy ủy quyền cho chị G vay tiền tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện B.

Ngày 09/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của anh Hạng A V trên giấy ủy quyền vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện B.

Tại kết luận giám định số 1722 ngày 18/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Sơn La kết luận:

“ 1. Chữ viết mang tên Hạng A V dưới mục “BÊN ỦY QUYỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Hạng A V trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 không phải do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Hạng A V dưới mục “BÊN ỦY QUYỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Hạng A V trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 có phải do cùng một người viết ra không. Vì chữ ký trên mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký trên mẫu so sánh”.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy mặc dù chữ viết mang tên Hạng A V trên giấy ủy quyền vay vốn ngân hàng không phải của anh V tuy nhiên đây là những khoản nợ phát sinh trong quá trình anh V, chị G sống chung, số tiền vay được sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển kinh tế cho gia đình nên mỗi người phải chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay.

Tính đến ngày 10/6/2021 chị Mùa Thị G đã trả cả gốc và lãi là 18.000.000đ cho anh Nguyễn Bá D. Vì vậy tổng số nợ chung là 68.000.000đ. Anh V, chị G mỗi người phải trả 34.000.000đ. Do chị Mùa Thị G đã trả cho anh Nguyễn Bá D 18.000.000đ nên còn phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B 16.000.000đ và lãi phát sinh. Anh Hạng A V có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện B 34.000.000đ và lãi phát sinh.

[2.4] Xét kháng cáo của ông Hạng A C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại cấp sơ thẩm ông Hạng A C cho rằng có cho vợ chồng anh V, chị G vay 35.000.000đ để mua đất, nhưng ngoài lời khai của ông C và anh V, hai người không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc vay tiền giữa các bên. Tại cấp phúc thẩm, ông C, anh V cung cấp các tài liệu gồm: Giấy xác nhận của Trung tâm y tế huyện B với nội dung năm 2010 anh Hạng A V có lĩnh tiền phụ cấp của ông C là 15.997.000đ; Giấy xác nhận kèm theo giấy giao nhận tiền ngày 20/5/2010 của ông Hạng A Páo có giao cho anh V số tiền 20.000.000đ là tiền ông C nhờ ông Páo giữ hộ. Tuy nhiên các tài liệu này chưa đủ để chứng minh cho việc chị G, anh V có vay ông C số tiền 35.000.000đ để mua đất. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông C với số tiền 35.000.000đ là có căn cứ.

Đối với số tiền 5.400.000đ, tại buổi hòa giải ngày 07/7/2021 và tại cấp phúc thẩm chị G thừa nhận là khoản vay riêng của chị G với ông C, chị G nhận sẽ có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 5.400.000đ do đó cần chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Về con chung đề nghị cho Hạng A V được trực tiếp nuôi con Hạng Bình Minh và yêu cầu chị Mùa Thị G phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật;

Về nợ chung chị G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và anh Nguyễn Bá D 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*). Hủy Bản án sơ thẩm số: 02/2021/HNGĐ-

ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La. Chuyển lại hồ sơ Tòa án nhân dân huyện B giải quyết theo trình tự sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hạng A V và ông Hạng A C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng.

- Về án phí: Chị Mùa Thị G phải chịu án phí dân sự theo quy định. Anh Hạng A V và ông Hạng A C sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

- Chi phí tố tụng về giám định chữ ký: Chi phí giám định chữ ký là 4.432.000đ. Do kháng cáo của anh Hạng A V về khoản nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B không được chấp nhận nên anh V phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hạng A V và ông Hạng A C (Treo).

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 02/2021/HNGĐ-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, như sau:

- Về con chung: Giao cho chị Mùa Thị G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hạng Bình Minh sinh ngày 07/12/2011 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hạng A V không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung:

+ Giao cho chị Mùa Thị G được sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4 hai gian + 01 gian bếp lợp Pro xi măng diện tích 30m² nằm trên diện tích đất ở 145m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC259998 và diện tích đất vườn 149m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 359990 cấp ngày 30/5/2005 đều mang tên Lò Văn Chánh, sinh năm 1966, CMTND số 050239354 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 11/10/1983; tại Tiểu khu 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; 01 máy giặt hiệu SANYO và 01 bình nóng lạnh hiệu ARISTON. Tổng cộng trị giá 202.400.000đ (hai trăm linh hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

+ Chị Mùa Thị G phải có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị tài sản được hưởng cho anh Hạng A V số tiền là 101.200.000đ (một trăm linh một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Nợ chung:

+ Buộc chị Mùa Thị G phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Sơn La số tiền là 16.000.000đ (*mười sáu triệu đồng*) và lãi suất phát sinh khi đến hạn trả nợ; trả anh Nguyễn Bá D số tiền 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*) (đã trả xong).

+ Buộc anh Hạng A V phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Sơn La số tiền 34.000.000đ (*ba mươi tư triệu đồng*) và lãi suất phát sinh khi đến hạn trả nợ.

- Nợ riêng: Chị Mùa Thị G có trách nhiệm trả cho ông Hạng A C (Treo) số tiền 5.400.000đ (*năm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Bác yêu cầu trả nợ của ông Hạng A C (Treo) đối với số tiền 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Chị Mùa Thị G phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí tranh chấp nuôi con và 7.030.000đ (*bảy triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí chia tài sản có giá ngạch. Tổng cộng 7.330.000đ được khấu trừ số tiền 6.125.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000058 ngày 10/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La. Chị Mùa Thị G còn phải nộp 1.205.000đ (*một triệu hai trăm linh lăm nghìn đồng*).

Miễn toàn bộ án phí cho anh Hạng A V và ông Hạng A C (Treo).

3. Chi phí giám định chữ ký: Anh Hạng A V phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký là 4.432.000đ (*bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng*). Anh Hạng A V đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (18/01/2022).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện B ;
- Chi cục THADS huyện B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu Vp, Hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Cầm Văn Thanh